TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2023
V/v: "*Tranh chấp yêu cầu ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tôn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Phúc;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 454/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L - sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

2. Đia chỉ: Ấp 2, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh H - sinh năm 1973 (có đơn xin vắng mặt).

Đia chỉ: Ấp 2, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/11/2023 của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L trình bày: Tôi và ông Trần Thanh H tìm hiểu nhau được 02 năm thì kết hôn với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, chồng tôi có quen với người phụ nữ khác bên ngoài nên tôi không chấp nhận được và chúng tôi cũng đã ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H.

Về con chung: có 02 người con chung tên Trần Thanh T – sinh năm 1995 và Trần Đại Ng - sinh năm 2000, con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi xin được ly hôn với Trần Thanh H.

Về con chung: Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 30/11/2023 bị đơn ông Trần Thanh H trình bày: Tôi và bà Huỳnh Thị L có tìm hiểu nhau được 02 năm thì kết hôn với nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương nhưng có đăng kí kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không phù hợp nhau, không có tiếng nói chung, tôi có quen với người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ tôi không chấp nhận được và chúng tôi cũng đã ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị L.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên Trần Thanh T – sinh năm 1995 và Trần Đại Ng - sinh năm 2000, con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng:

Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Huỳnh Thị L.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên nên tôi không yêu cầu thêm gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Huỳnh Thị L và ông Trần Thanh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị L và bị đơn ông Trần Thanh H không có mặt tại phiên tòa nhưng bà L và ông H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị L và ông Trần Thanh H là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị L xác lập quan hệ hôn nhân với ông Trần Thanh H vào cuối năm 1994, có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đã có hiệu lực nên căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Huỳnh Thị L và ông Trần Thanh H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Trần Thanh H xác định ông bà có 02 người con chung tên có 02 người con chung tên Trần Thanh T – sinh năm 1995 và Trần Đại Ng - sinh năm 2000, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Trần Thanh H xác định ông bà tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét

[5] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị L và ông Trần Thanh H xác định ông bà không có tài sản chung và không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng bà Huỳnh Thị L phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004572 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Huỳnh Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

-Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Huỳnh Thị L và ông Trần Thanh H là vợ chồng.

- Về con chung: HĐXX miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng bà Huỳnh Thị L phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng bà L được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004572 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, bà Huỳnh Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2023).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Namc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tôn